TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC LẶC** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 30 - 5 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC LẶC TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Văn Toản

Ông Lê Hữu Đại

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trọng Hà - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 19/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2023, đối với bị cáo:

Phạm Văn A; sinh ngày 15 tháng 4 năm 1988; tại huyện C, tỉnh Thanh Hoá; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Văn B (Chết); con bà: Phạm Thị N; có vợ là Lê Bạch H và 01 con; tiền sự: Không; tiền án: Không; nhân thân: Ngày 20/3/2021, bị Công an thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính, phạt tiền 1.500.000đ về hành vi trộm cắp tài sản; Ngày 06/8/2021, bị UBND phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định đưa người nghiện ma tuý vào cơ sở xã hội Nhị Xuân để quản lý cắt cơn, giải độc, tư vấn tâm lý trong thời gian làm thủ tục áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Ngày 22/10/2021, UBND phường 13, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh đã huỷ Quyết định trên do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương ban hành quyết định khởi tố bị can đối với bị cáo; Ngày 01/3/2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 38/2022/HS-ST, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt; bị tạm giam từ ngày 23/10/2022 cho đến nay. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Phạm Văn T; sinh năm: 1975; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Cao Hồng D; sinh năm: 1956; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

- *Người tham gia tố tụng khác:*

+ Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị N; sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị T; sinh năm: 1974; nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị V; sinh năm: 1954; nơi cư trú: Làng Â, xã V, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. Vắng mặt.

4. Ông Trần Đình N; sinh năm: 1968; nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 31/12/2020, Phạm Văn A, trú tại thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hoá đến làng Â, xã V, huyện N chơi nhà người quen bên nhà vợ. Đến trưa cùng ngày A đi bắt xe khách để về nhà, khi đi qua nhà anh Phạm Văn T, ở thôn V, xã C nhìn thấy chiếc xe môtô biển kiểm soát 36K5-141.35 đang dựng trước cổng, không có người trông coi, chìa khóa xe đang cắm trong ổ khóa điện nên A nảy sinh việc trộm cắp, liền đi lại mở khóa xe, nổ máy điều khiển xe đến nhà anh Nguyễn Văn N, ở tổ dân phố T, thị trấn P, huyện C vay anh N số tiền 1.5000.000đ và để lại chiếc xe cho anh N trông giữ. Đến ngày 01/01/2021, A gặp Vũ Văn T, trú tại tổ dân phố D, thị trấn P, huyện C biết anh T đang cần xe để làm phương tiện đi lại, nên A nói với T có chiếc xe đang cắm nhà anh N, nếu T cần thì mang tiền đến đó mà lấy xe đi. T đồng ý mua và đưa số tiền 1.500.000đ cho A đến nhà anh N lấy xe giao cho T. Khi T nhận xe thì xe mô tô không có giấy tờ, không có biển kiểm soát. Sau khi nhận xe, T đã sơn lại xe, đổi vành xe từ nhựa đúc sang vành kim loại và sơn lại, lắp biển kiểm soát giả cho xe. Ngày 07/02/2021, T mang chiếc xe giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Lặc để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 06/KL-HĐĐG ngày 15/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Ngọc Lặc kết luận: Chiếc xe môtô biển kiểm soát 36K5-141.35, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng - đen - bạc, số khung: 3900HY226980, số máy: JA39E0227019 có giá trị là 8.5000.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 18/CT-VKS-NL ngày 28 tháng 4 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Ngọc Lặc, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Phạm Văn A về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị

Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: xử phạt bị cáo mức án từ 09 tháng đến 15 tháng tù, được trừ thời gian tạm giam vào thời gian chấp hành hình phạt; bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên đề nghị không xem xét; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố và không có tranh luận gì với quan điểm của VKS.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng ông Trần Đình N đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Trong quá trình điều tra, người làm chứng chị Phạm Thị N, chị Phạm Thị T và bà Phạm Thị V đều thống nhất với nội dung sự việc như cáo trạng của VKS.

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đủ cơ sở chứng minh: Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 31 tháng 12 năm 2020, Phạm Văn A lợi dụng sự sơ hở, không có người trông coi, quan sát thấy không có ai để ý, đã lén lút lấy trộm 01 (Một) chiếc xe môtô biển kiểm soát 36K5-141.35, nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn trắng - đen - bạc của gia đình anh Phạm Văn T ở Thôn V, xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hoá, tài sản tại thời điểm trộm cắp có giá trị 8.5000.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng). Như vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo đã có hành vi phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 03 tình tiết giảm nhẹ: quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai trung thực các tình tiết của vụ án là đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (do hành vi phạm tội của bị cáo xét xử lần này có trước hành vi phạm tội của bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử), đầu thú quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Vì vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo bỏ trốn khỏi nơi cư trú và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ngọc Lặc đã ra Quyết định truy nã bị cáo. Sau khi phạm tội lần này, bị cáo còn tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đã bị Công an thị trấn Phong Sơn, huyện Cẩm Thủy và Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt theo quy định của pháp luật. Bị cáo đang ở độ tuổi lao động nhưng lại lười lao động và thích thụ hưởng những vật chất mà không phải do bản thân mình tự tạo ra, để có tiền chi tiêu cho bản thân mà đã lén lút trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm mất trật tự trị an, xã hội trên địa bàn. Trên cơ sở đánh giá tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, HĐXX xét thấy cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo và cần cách ly khỏi xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội, đồng thời răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung là phù hợp với Điều 38 BLHS. Thời gian bị cáo bị tạm giam sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nào có giá trị, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với số tiền 1.500.000đ Vũ Văn T đưa cho Phạm Văn A để mua lại chiếc xe mô tô: Hiện T không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì, chưa làm rõ được yêu cầu của T nên để giải quyết khi có đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật trong một vụ án khác.

[7] Về vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ: 01 (Một) chiếc xe môtô nhãn hiệu Honda Wave, biển kiểm soát 36K5-141.35. Sau khi định giá tài sản, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật.

Đối với biển kiểm soát 36L2-8127, theo lời khai của ông D: Chiếc xe mô tô có biển kiểm soát 36L2-8127 là của anh Cao Tiến D (con trai ông D), chiếc xe mô tô bị hư hỏng nên tháng 12/2020, gia đình ông đã bán chiếc xe mô tô trên cho ông Trần Đình N và ông N đã bán cho người thu mua sắt vụn. Cơ quan điều tra chưa làm rõ được chủ sở hữu của chiếc xe mô tô, không tiếp tục lưu giữ tại kho vật chứng của Công an huyện Ngọc Lặc để tiếp tục điều tra, xác minh mà đã trả lại biển kiểm soát 36L2-8127 cho ông Cao Hồng D là không đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, sau khi nhận biển kiểm soát 36L2-8127, ông D đã vứt đi, không tìm thấy nên không thể khắc phục được để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với Nguyễn Văn N là người cho bị cáo Phạm Văn A mượn số tiền 1.500.000đ và Anh để lại chiếc xe môtô biển kiểm soát 36K5-141.35 để làm tin; N

không biết chiếc xe môtô trên là do A trộm cắp mà có. Hiện N không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì nên chưa làm rõ việc ai là người tháo biển kiểm soát xe môtô 36K5-141.35, cà số khung xe. Cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý hành vi của Nguyễn Văn N, nên tách hành vi trên để tiếp tục xác minh, làm rõ khi có căn cứ sẽ xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với hành vi của Vũ Văn T: Khi T nhận xe môtô từ bị cáo Phạm Văn A thì xe mô tô không có giấy tờ, không có biển kiểm soát. Sau khi nhận xe mô tô, T đã sơn lại xe, đổi vành xe từ nhựa đúc sang vành kim loại và sơn lại, lắp biển kiểm soát giả cho xe mô tô (BL 93-94), T mua xe môtô với số tiền là 1.500.000đ thấp hơn rất nhiều so với giá trị của chiếc xe mô tô. Xét thấy, hành vi của T có dấu hiệu của tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo Điều 323 của BLHS. Toà án và Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung 02 lần, yêu cầu các cơ quan tiến hành tố tụng tiến hành điều tra để xử lý hành vi của Vũ Văn T nhưng đều không được thực hiện. Vì vậy, cần kiến nghị Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tiếp tục điều tra xác minh để xử lý hành vi của Vũ Văn T theo quy định của pháp luật.

[11] Về hành vi, quyết định tố tụng (trừ quyết định trả lại biển kiểm soát 36L2-8127) của Cơ quan điều tra Công an huyện Ngọc Lặc, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn A phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt: Phạm Văn A 09 (Chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (ngày 23/10/2022).

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) Vũ Văn T đưa cho bị cáo Phạm Văn A được giải quyết trong một vụ án khác khi có đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện Ngọc Lặc tiếp tục điều tra xác minh để xử lý hành vi của Vũ Văn T theo quy định của pháp luật.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này, ông

Dân có quyền kháng cáo phần bản án này có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Ngọc Lặc;
- VKSND tỉnh Thanh Hoá;
- CQĐT CA huyện Ngọc Lặc;
- CQTHAHS CA huyện Ngọc Lặc;
- Nhà tạm giữ CA huyện Yên Định;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Lặc;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu HSVA; Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Lê Văn Thịnh